

Số: 187/QĐ-UBND

Nam Hòa, ngày 02 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM HÒA**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật NSNN năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 26/07/2023 của Hội đồng nhân dân xã Nam Hòa về việc phê chuẩn quyết toán thu – chi ngân sách xã Nam Hòa năm 2022;

Theo đề nghị của Ban tài chính xã.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 xã Nam Hòa, nội dung cụ thể như sau:

*(Có các biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2:** Giao cho ban Tài chính xã phối hợp với các ngành liên quan tổ chức và phối hợp hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3:** Các ông (bà): Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính, các ngành đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy-HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể;
- Các trưởng xóm;
- Lưu: VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Lâm**





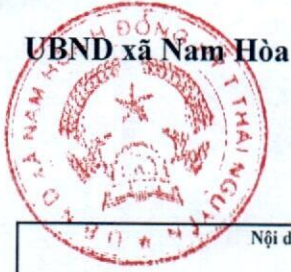
## CÂN ĐỐI TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>10.478.167.792</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>10.376.227.650</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	242.420.500	I. Chi đầu tư phát triển	2.611.850.600
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	377.819.132		
III. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	421.627.607	II. Chi thường xuyên	6.056.231.278
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	319.945.587		
V. Thu bổ sung ngân sách cấp trên	9.116.354.966	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau	1.498.112.772
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.968.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	4.148.354.966	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	210.033.000
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>101.940.142</b>		





Biểu số 117/CK TC-NSNN

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>5.933.000.000</b>	<b>5.608.000.000</b>	<b>11.294.089.769</b>	<b>10.478.167.792</b>	<b>190,36</b>	<b>186,84</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>242.958.404</b>	<b>242.420.500</b>	<b>80,99</b>	<b>80,81</b>
- Phí, lệ phí	65.000.000	65.000.000	43.170.500	43.170.500	66,42	66,42
+ Phí chứng thực	50.000.000	50.000.000	40.432.000	40.432.000	80,86	80,86
+ Phí hộ tịch	15.000.000	15.000.000	2.738.500	2.738.500	18,26	18,26
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	235.000.000	235.000.000	199.787.904	199.250.000	85,02	84,79
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>665.000.000</b>	<b>340.000.000</b>	<b>1.193.203.205</b>	<b>377.819.132</b>	<b>179,43</b>	<b>111,12</b>
1. Các khoản thu phân chia	145.000.000	100.000.000	211.769.343	153.555.458	146,05	153,56
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000.000	20.000.000	55.841.567	55.841.567	279,21	279,21
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	35.000.000	35.000.000	39.500.000	39.500.000	112,86	112,86
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	90.000.000	45.000.000	116.427.776	58.213.891	129,36	129,36
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	520.000.000	240.000.000	981.433.862	224.263.674	188,74	93,44
- Thuế giá trị gia tăng	240.000.000	240.000.000	224.263.674	224.263.674	93,44	93,44
- Thuế TNDN	280.000.000		547.137.188		195,41	
- Thu từ nộp trả ngân sách			210.033.000			
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			<b>421.627.607</b>	<b>421.627.607</b>		
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			<b>319.945.587</b>	<b>319.945.587</b>		
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.968.000.000</b>	<b>4.968.000.000</b>	<b>9.116.354.966</b>	<b>9.116.354.966</b>	<b>183,5</b>	<b>183,5</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.968.000.000	4.968.000.000	4.968.000.000	4.968.000.000	100	100
- Bổ sung có mục tiêu			4.148.354.966	4.148.354.966		





Biểu số 118/CK TC-NSNN

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi</b>	<b>10.478.167.792</b>	<b>3.312.961.660</b>	<b>7.166.026.132</b>	<b>10.376.227.650</b>	<b>2.611.850.600</b>	<b>7.764.377.050</b>	<b>107,99</b>		<b>80,81</b>
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.205.232.600	250.000.000	955.232.600	1.142.415.469	214.009.000	928.406.469	94,79		77,03
- Chi dân quân tự vệ	526.772.600		526.772.600	526.767.432		526.767.432	100		100
- Chi trật tự an toàn xã hội	678.460.000	250.000.000	428.460.000	615.648.037	214.009.000	401.639.037	90,74	85,60	93,74
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	86.000.000		86.000.000	85.824.000		85.824.000	99,8		99,8
5. Chi văn hóa, thông tin	232.000.000	200.000.000	32.000.000	232.000.000	200.000.000	32.000.000	100	100	100
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	23.000.000		23.000.000	22.905.200		22.905.200	99,59		99,59
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	2.440.934.660	2.010.961.660	429.973.000	1.844.834.600	1.505.841.600	338.993.000	75,58	74,88	78,84
- Giao thông	1.223.961.660	1.193.961.660	30.000.000	860.841.600	830.841.600	30.000.000	70,33	69,59	100
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	1.216.973.000	817.000.000	399.973.000	983.993.000	675.000.000	308.993.000	80,86	82,62	77,25
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.365.772.532	852.000.000	5.514.592.532	5.222.139.745	692.000.000	4.530.139.745	82,03		82,15
Trong đó: Quỹ lương				4.137.207.585		4.137.207.585			
10.1. Quản lý Nhà nước	4.003.092.532	852.000.000	3.151.092.532	2.876.437.002	692.000.000	2.184.437.002	71,86	81,22	69,32
10.2. Hội đồng nhân dân	367.041.000		367.041.000	362.937.535		362.937.535	98,88		98,88
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	812.338.000		812.338.000	812.334.972		812.334.972	99,99		99,99
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	490.780.000		490.780.000	489.242.302		489.242.302	99,68		99,68
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	138.714.000		156.714.000	156.538.585		156.538.585	99,88		112,85
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	123.714.000		123.714.000	122.768.552		122.768.552	99,23		99,23
10.7. Hội Cựu chiến binh	109.199.000		91.199.000	86.090.125		86.090.125	94,39		94,39
10.8. Hội Nông dân	127.718.000		128.538.000	128.518.592		128.518.592	99,98		99,98
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	21.060.000		21.060.000	19.241.000		19.241.000	91,36		91,36
10.10. Hội Người cao tuổi	69.556.000		69.556.000	69.471.080		69.471.080	99,87		99,87
10.11. Hội khuyến học	26.192.000		26.192.000	26.192.000		26.192.000	100		100
10.12. Hội đặc thù (Đông y, DC, TNXP, Người mù)	76.368.000		76.368.000	72.368.000		72.368.000	94,76		94,76

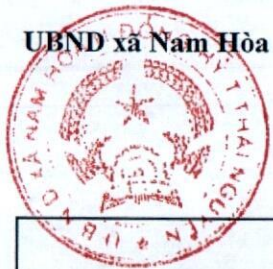




11. Chi cho công tác xã hội	125.228.000		125.228.000	117.962.864		117.962.864	94,2		94,2
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ	119.228.000		119.228.000	112.098.264		112.098.264	94,02		94,02
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội	6.000.000		6.000.000	5.864.600		5.864.600	97,74		97,74
- Khác									
12. Chi nộp trả				210.033.000		210.033.000			
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				1.498.112.772		1.498.112.772			







UBND xã Nam Hòa

Biểu số 119/CK TC-NSNN

### QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12	Giá trị đã thanh toán năm			
		Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Đường bê tông xóm Trại Giã, xã Nam Hòa	2021-2022	45.707.840		45.707.840	17.004.000	17.004.000		
Đường bê tông xóm Quang Trung, xã Nam Hòa	2021-2022	44.593.014		44.593.014	16.611.600	16.611.600		
Đường bê tông xóm Ngòi Chẹo, xã Nam Hòa	2021-2022	445.930.143		445.930.143	166.246.800	166.246.800		
Đường bê tông xóm Na Tranh, xã Nam Hòa	2021-2022	66.889.521		66.889.521	24.852.000	24.852.000		
Đường bê tông xóm Đồng Mỏ, xã Nam Hòa	2021-2022	111.482.536		111.482.536	41.463.600	41.463.600		
Đường bê tông xóm Chí Sơn, xã Nam Hòa	2021-2022	278.706.339		278.706.339	103.855.200	103.855.200		
Đường bê tông xóm Ba Phụng, xã Nam Hòa	2021-2022	112.597.361		112.597.361	45.256.800	45.256.800		
Đường bê tông xóm Mỹ Lập, xã Nam Hòa	2020-2021	1.130.843.471		1.130.843.471	415.551.600	415.551.600		
Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Nam Hòa	2022	252.000.000		236.612.580	202.000.000		202.000.000	
Cải tạo, sửa chữa nhà hội trường UBND xã Nam Hòa	2022	600.000.000		570.941.843	490.000.000		490.000.000	
Xây dựng kênh mương xóm Đồng Chốc, xã Nam Hòa	2022	817.000.000		829.780.844	675.000.000		675.000.000	





Xây dựng nhà văn hóa xóm Đông Mỏ, xã Nam Hòa	2021	307.428.237		307.428.237	100.000.000	100.000.000		
Xây dựng nhà văn hóa xóm Đông Mỏ, xã Nam Hòa	2021	488.839.253		488.839.253	100.000.000	100.000.000		
Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, bếp ăn, khu vệ sinh công an xã Nam Hòa	2020	759.523.369		749.009.000	214.009.000	214.009.000		
<b>Cộng</b>		<b>5.461.541.084</b>		<b>5.419.361.982</b>	<b>2.611.850.600</b>	<b>1.244.850.600</b>	<b>1.367.000.000</b>	





## THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)	TÒN ĐẦU KỶ	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)
A	1	2	3	4	5	6	7
<b>TỔNG SỐ</b>				<b>177.889.400</b>	<b>69.564.000</b>	<b>67.850.000</b>	<b>179.603.400</b>
<b>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</b>	<b>84.000.000</b>	<b>84.000.000</b>		<b>177.889.400</b>	<b>69.564.000</b>	<b>67.850.000</b>	<b>179.603.400</b>
+ Quỹ Khuyến học	15.500.000	15.500.000		34.128.000	15.596.000	31.450.000	18.274.000
+ Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa	11.500.000	11.500.000		33.672.800	11.411.000	6.400.000	38.683.800
+ Quỹ bảo trợ trẻ em	15.500.000	15.500.000		31.966.000	11.359.000	8.200.000	35.125.000
+ Quỹ nhân đạo	15.500.000	15.500.000		40.693.500	11.071.000	4.500.000	47.264.500
+ Quỹ vì người nghèo	15.500.000	15.500.000		24.379.700	11.229.000	7.700.000	27.908.700
+ Quỹ chăm sóc người cao tuổi	10.500.000	10.500.000		13.049.400	8.898.000	9.600.000	12.347.400
<b>2. Các hoạt động sự nghiệp</b>							
- Quỹ khen thưởng nông thôn mới				278.608.000	0	0	278.608.000
- Các khoản thu hộ				23.237.541	316.109.337	316.109.337	23.237.541
- Quỹ phòng chống thiên tai				0	#####	14.169.000	0



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ NAM HÒA**

**THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN  
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

*Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 26/07/2023 của HĐND xã Nam Hòa về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước xã Nam Hòa năm 2022;*

UBND xã Nam Hòa báo cáo quyết toán ngân sách xã năm 2022 đã được hội đồng nhân dân xã thông qua cụ thể như sau:

**I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách quý 2 năm 2023:**

**1. Thu ngân sách:**

Tổng thu ngân sách nhà nước trong năm 2022 là 10.478.167.792 đồng, trong đó thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp: 620.239.632 đồng, thu chuyển nguồn từ năm trước: 421.627.607 đồng, thu kết dư ngân sách năm trước: 319.945.587 đồng, ngân sách cấp trên cấp: 9.116.354.966 đồng,

Để có được kết quả trên là do được sự chỉ đạo kịp thời của Chi cục thuế cùng với sự sát sao của Thường vụ Đảng ủy, HĐND với các biện pháp cương quyết của UBND, Hội đồng tư vấn thuế thường xuyên bám nắm địa bàn, khai thác triệt để các nguồn thu hiện có, đảm bảo thu đúng, thu đủ không để thất thoát nguồn thu.

**2/ Chi ngân sách:**

Thực hiện chi ngân sách cả năm 2022 là: 10.376.227.650 đồng, trong đó:

Chi đầu tư các dự án: 2.611.850.600 đồng, chi thường xuyên: 6.056.231.278 đồng,

Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: 1.498.112.772 đồng, chi nộp trả ngân sách cấp trên: 210.033.000 đồng.

Trong năm 2022, UBND xã Nam Hòa thực hiện các khoản chi ngân sách kịp thời, đảm bảo theo dự toán và các quy định trong quản lý tài chính, tuy nhiên còn một số nội dung chi đầu tư do chưa đủ điều kiện thanh toán nên để tồn quỹ năm sau tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chi..

Trên đây là thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán năm 2022 của UBND xã Nam Hòa./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Lê Văn Lâm*  
**Lê Văn Lâm**